

Số: 53 /BC-BQLQ

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2018; nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm năm 2019.

Thực hiện Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ, Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giao kế hoạch thu Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa năm 2018; Ban Quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa (Cơ quan Quỹ PCTT cấp tỉnh) báo cáo kết quả thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai (gọi tắt là Quỹ) năm 2018; nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm năm 2019 như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ NĂM 2018

1. Công tác tham mưu chỉ đạo, điều hành

- Tổng hợp kế hoạch thu Quỹ năm 2018 của các đơn vị, địa phương, tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 11/5/2018, với tổng kế hoạch thu Quỹ là 65.485,3 triệu đồng (trong đó: Các huyện, thị xã, thành phố là: 29.037,1 triệu đồng; cơ quan ban, ngành cấp tỉnh là: 1.051,4 triệu đồng; lực lượng vũ trang là: 806,6 triệu đồng; doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý là: 34.590,1 triệu đồng);

- Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT, đề nghị UBND tỉnh ban hành Công văn số 9361/UBND-NN ngày 06/8/2018 về khẩn trương tổ chức thực hiện công tác thu, nộp Quỹ năm 2018 trên địa bàn tỉnh;

- Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT, phối hợp với các sở, ngành (Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh), báo cáo UBND tỉnh giải đáp các kiến nghị, vướng mắc về công tác thu, nộp Quỹ trên địa bàn tỉnh; ban hành Hướng dẫn Liên ngành số 4106/LN: STC-SNN&PTNT ngày 05/10/2018 về việc sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ từ Quỹ;

- Thông báo, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương, đơn vị, doanh nghiệp triển khai và hoàn thành kế hoạch thu, nộp Quỹ năm 2018 theo Quyết định 1745/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh; triển khai nội dung về xử phạt hành chính về đóng góp Quỹ theo Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền

- Phối hợp với Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh Thanh Hóa (TTV) biên tập và phát được 11 bản tin tuyên truyền phổ biến pháp luật về Quỹ; tuyên truyền trên loa phát thanh của 27 huyện, thị xã, thành phố; phối hợp với Báo Văn hóa và Đời sống đăng 04 bài tuyên truyền về Quỹ; tổ chức tập huấn về nghiệp vụ công tác thu, chi Quỹ

cho cán bộ phụ trách thu Quỹ của 27 huyện, thị xã, thành phố và cán bộ Chi cục Thuế cấp huyện.

- Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu và hệ thống quản lý, cung cấp thông tin, tuyên truyền công tác thu Quỹ trên Website của BQL Quỹ; thiết kế, biên tập và cấp phát được 4.000 tờ rời hướng dẫn công tác thu, chi Quỹ cho các địa phương, đơn vị.

- Công khai kết quả thu Quỹ năm 2018 trên cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT tại địa chỉ: <http://snnptnt.thanhhoa.gov.vn>.

Qua đó, đã góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cộng đồng, người dân trong việc xã hội hóa công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

3. Tham mưu miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ

Trên cơ sở đề nghị của các doanh nghiệp; ý kiến tham gia của các sở, ngành (Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh), tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ đối với giá trị tài sản hiện có (2/10.000) cho Công ty TNHH MTV Sông Chu với số tiền là 100 triệu đồng tại Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 02/7/2018; đề nghị xem xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp với số tiền là 271,0 triệu đồng: Công ty cổ phần Bim Sơn Viglacera và Công ty cổ phần đầu tư phát triển điện Bắc Miền Trung tại Công văn số 3046/SNN-BQLQ ngày 17/9/2018 là 71,1 triệu đồng; Công ty thủy điện Hoàng Anh tại Công văn số 3269/SNN-BQLQ ngày 01/10/2018 là 50,0 triệu đồng; Công ty cổ phần bê tông và xây dựng Thanh Hoá; Công ty cổ phần xây lắp Điện Lực Thanh Hoá và Công ty TNHH S&H Vina là 149,8 triệu đồng.

Nội dung miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp chủ yếu là những doanh nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, các doanh nghiệp được miễn thuế theo quy định tại Điều 6, Nghị định số 94/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Kết quả thu, chi và giải ngân Quỹ năm 2018

4.1. Kết quả thu:

Lũy kế kết quả thu, nộp Quỹ về tài khoản Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh từ năm 2016 đến nay được là **74.596,1** triệu đồng, trong đó kết quả thu năm 2018 (đến ngày 28/02/2019) là **27.736,1** triệu đồng, đạt 42,35% kế hoạch (chi tiết tại Biểu tổng hợp kết quả thu, nộp Quỹ kèm theo), cụ thể theo từng đối tượng thu, nộp như sau:

a) CBCCVCLĐ thuộc sở, ban, ngành, cơ quan tổ chức Đảng, đoàn thể cấp tỉnh đóng trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa: 1.255,8 triệu đồng, đạt 119% kế hoạch.

b) UBND các huyện, thị xã, thành phố: 20.890,9 triệu đồng, đạt 72% kế hoạch.

c) Lực lượng vũ trang: 820,1 triệu đồng, đạt 102% kế hoạch.

d) Các tổ chức hạch toán độc lập (các Doanh nghiệp) do Cục Thuế tỉnh quản lý nộp trực tiếp về Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh: 4.096,2 triệu đồng, đạt 12% kế hoạch.

e) Các đơn vị thuộc huyện thu gửi trực tiếp về Quỹ cấp tỉnh: 347,7 triệu đồng.

d) Truy thu theo kế hoạch năm 2017: 325,3 triệu đồng.

(Chi tiết kết quả thu, nộp tại Biểu và các Phụ lục kèm theo)

4.2. Kế hoạch chi và kết quả giải ngân

- Lũy kế theo kế hoạch chi đã được Chủ tịch UBND tỉnh phân bổ cho các đơn vị, địa phương để phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai từ năm 2017 đến nay là **53.400,8 triệu đồng**, trong đó kế hoạch chi năm 2018 là **29.179 triệu đồng**: (Tại Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 28/2/2018 hỗ trợ cho 16 địa phương, đơn vị số tiền là 19,7 tỷ đồng; Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 05/7/2018 hỗ trợ cho 06 địa phương với số tiền là 7,55 tỷ đồng; Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 hỗ trợ công tác tuyên truyền số tiền là 697 triệu đồng; Quyết định số 4297/QĐ-UBND ngày 01/11/2018 là 827 triệu đồng; Quyết định số 4299/QĐ-UBND ngày 01/11/2018 là 405 triệu đồng).

- Căn cứ hồ sơ dự toán, quyết toán của các đơn vị, địa phương, Cơ quan quản lý Quỹ PCTT cấp tỉnh đã giải ngân chi tạm ứng, thanh toán với tổng kinh phí là **25.248,7 triệu đồng**: (Tại Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 là 680 triệu đồng; Quyết định số 1998/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 là 881,4 triệu đồng; Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 là 389,3 triệu đồng; Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 28/2/2018 là 17.001 triệu đồng; Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 05/7/2018 là 5.599,9 triệu đồng; Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 là 697 triệu đồng). Số kinh phí còn lại, Cơ quan quản lý Quỹ PCTT cấp tỉnh sẽ tiếp tục giải ngân, thanh toán sau khi các địa phương, đơn vị hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

5. Số dư tài khoản:

Số dư tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh của Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh (tính đến ngày 28/02/2019) là: **49.347,4 triệu đồng** (Có xác nhận số dư tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa kèm theo), trong đó:

- Kinh phí đã có kế hoạch chi: **28.152,1 triệu đồng**;
- Kinh phí chưa có kế hoạch chi là **21.195,3 triệu đồng**.

II. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

2.1. Về tổ chức, vận hành quản lý Quỹ:

- Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ không quy định về chi quản lý (Văn phòng phẩm, công tác phí, khấu hao tài sản, in ấn biên lai thu...) tại cấp tỉnh, cấp huyện từ nguồn thu Quỹ PCTT hàng năm; chỉ hỗ trợ chi 5% số thu thực tế hàng năm cho người trực tiếp đi thu Quỹ tại cấp xã.

- Với bản chất là nguồn thu xã hội hoá, nhưng chưa có cơ chế khuyến khích công tác thu, do đó chưa tạo ra động lực, chưa gắn được vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý Thuế trong việc quản lý, đôn đốc thu, nộp Quỹ đối với các tổ chức hạch toán độc lập (các Doanh nghiệp).

2.2. Về công tác thu:

- Năm 2018 là năm bị ảnh hưởng lớn bởi thiên tai, lũ lụt xảy ra trên địa bàn một số huyện gây ảnh hưởng lớn đến kinh tế của người dân, doanh nghiệp, do đó đã ảnh hưởng đến việc thực hiện thu, nộp Quỹ.

- Một số huyện, thị xã, thành phố chưa thật sự quyết liệt trong công tác thu, nộp Quỹ; Công tác thông tin, tuyên truyền tại các địa phương còn hạn chế, dẫn đến kết quả thu, nộp đạt thấp; triển khai thu, nộp còn chậm và chưa đúng thời hạn.

- Việc thu khoản đóng góp theo giá trị tài sản của doanh nghiệp và người lao động trong các doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, do ý thức của người đứng đầu doanh nghiệp chưa tốt; chưa có hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ PCTT, đặc biệt đối với các doanh nghiệp.

2.3. Về nội dung chi Quỹ:

Hiện tại, chưa có Thông tư hướng dẫn về cơ chế quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn thu Quỹ PCTT để thống nhất chung trên toàn quốc; nội dung chi Quỹ không đề cập đến việc lập kế hoạch, phương án và diễn tập phòng, chống thiên tai ở cấp tỉnh, cấp huyện (chỉ quy định cho cấp xã), điều này gây khó khăn cho các địa phương, đơn vị trong việc đề xuất các hoạt động hỗ trợ từ Quỹ Phòng, chống thiên tai của tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2019

1. Tiếp tục phối hợp với cơ quan truyền thông, báo chí đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh để nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc tổ chức thu các khoản đóng góp Quỹ.

2. Tổng hợp, tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt kế hoạch thu Quỹ PCTT năm 2019; đồng thời triển khai thực hiện kế hoạch thu, nộp Quỹ theo quy định; Phối hợp chặt chẽ với phòng chuyên môn Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính, UBND cấp huyện kịp thời giải quyết những vấn đề vướng mắc phát sinh; phấn đấu đạt được mức thu Quỹ PCTT cao nhất trong năm 2019.

3. Thực hiện việc giải ngân, thanh toán kinh phí hỗ trợ từ Quỹ sau khi có Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh. Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan đôn đốc, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí của các địa phương, đơn vị sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh có quyết định hỗ trợ.

4. Thực hiện công khai nguồn thu, chi Quỹ PCTT theo quy định tại Nghị định 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ.

5. Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, nhân sự làm công tác quản lý Quỹ PCTT, bồi dưỡng nghiệp vụ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Tăng cường đầu mối với các bộ, ngành Trung ương, Nhà tài trợ để vận động, thu hút các nguồn vốn viện trợ, tài trợ, ủy thác của các tổ chức, cá nhân phục vụ công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh.

6. Báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về đóng góp Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định tại Điều 11, Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.

IV. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Đề tiếp tục triển khai hiệu quả công tác quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2019 và những năm tiếp theo; Cơ quan quản lý Quỹ PCTT tỉnh Thanh Hóa kính đề nghị một số nội dung sau:

1. Đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT, báo cáo và đề nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành quán triệt, nghiêm túc thực hiện việc đóng góp Quỹ PCTT trong phạm vi quản lý theo quy định; đồng thời,

thực hiện việc theo dõi, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong việc tổ chức thu, nộp Quỹ PCTT của địa phương, đơn vị theo quy định tại Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Đề nghị Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai, báo cáo và đề xuất với Chính phủ sớm sửa đổi, bổ sung Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 theo hướng:

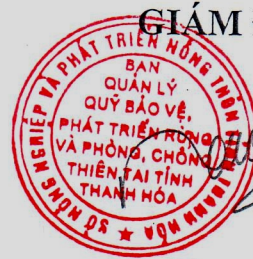
- Cho phép mở tài khoản Quỹ PCTT tại các ngân hàng thương mại nhằm gia tăng nguồn lực để hỗ trợ cho hoạt động phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, vì Quỹ PCTT không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước;

- Có cơ chế khuyến khích công tác thu Quỹ đối với các đơn vị, địa phương (UBND cấp huyện, Chi cục Thuế cấp huyện) trực tiếp tham gia thu Quỹ, có thể sử dụng phần lãi phát sinh tiền Quỹ gửi tại ngân hàng thương mại để chi cho nội dung này, đồng thời cho phép hạch toán các chi phí quản lý của cơ quan quản lý Quỹ PCTT cấp tỉnh trong kế hoạch thu, chi Quỹ hàng năm, tránh việc sử dụng ngân sách nhà nước cho công tác này;

- Quy định vai trò, trách nhiệm của cơ quan Thuế các cấp trong quá trình lập kế hoạch, đơn đốc và tổ chức thực hiện thu, nộp Quỹ đối với các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính (báo cáo);
- Sở NN&PTNT (báo cáo);
- Website: <http://snnptnt.thanhhoa.gov.vn>;
- Lưu: VT, BQLQ (2).



Lê Công Cường

Mẫu số: 05-DCSDTK/KBNN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4377/QĐ-KBNN
ngày 15/9/2017 của TGD KBNN)

BẢN XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KBNN

Tháng 02/ năm 2019

Tên đơn vị: Ban quản lý Quỹ bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hoá
Địa chỉ giao dịch: Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hoá

Mã DVQHNS: 9083324

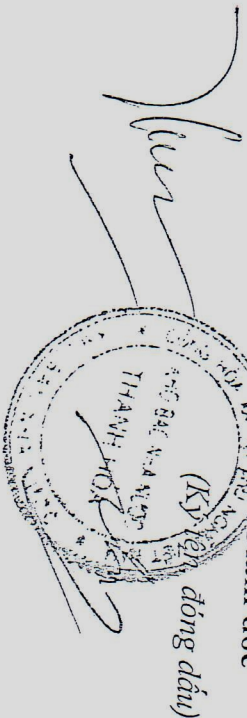
Tài khoản số: 3761.0.9083324.91049 Cấp Mã CTMT, DA và HTCT: 91049,00000,92008

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Đơn vị: đồng
Số dư đầu kỳ	47.542.919.967	47.542.919.967		
Phát sinh tăng trong kỳ	1.804.520.058	1.804.520.058		
Phát sinh giảm trong kỳ				
Số dư cuối kỳ	49.347.440.025	49.347.440.025		

....., ngày 5...tháng 2...năm 2019.

Xác nhận của Kho bạc Nhà nước

Kiểm soát


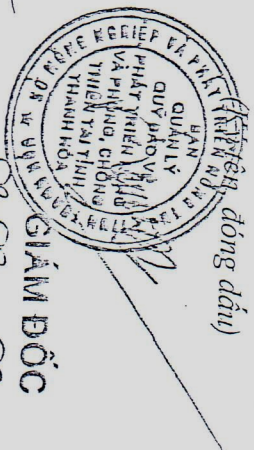

Giám đốc (1)
(Ký tên đóng dấu)

....., ngày 05...tháng 2...năm 2019.

Đơn vị sử dụng ngân sách

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản


Giám đốc
Phạm Thị Phương

Giám đốc



Điều tổng hợp kết quả thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh, năm 2018
 (Kèm theo Báo cáo số 53 /BC-BQLQ ngày 19/3/2019 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển nông nghiệp và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: VN Đồng

TT	Đơn vị	Tổng số kế hoạch theo Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Kết quả thu, nộp	Tỉ lệ so với kế hoạch (%)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Các Sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội trên địa bàn thành phố	1.051.433.306	1.255.853.973	119	Tại Phụ lục 01
II	UBND các huyện, thị xã, thành phố	29.037.187.703	20.890.997.027	72	
1	TP Thanh Hóa	3.675.064.924	2.195.100.446	60	
2	TX Bim Sơn	326.375.065	254.224.318	78	
3	Thành phố Sầm Sơn	629.232.750	452.134.718	72	
4	Huyện Vĩnh Lộc	796.969.000	655.527.500	82	
5	Huyện Nông Cống	1.694.946.980	1.372.656.058	81	
6	Huyện Thiệu Hóa	1.000.027.579	795.086.300	80	
7	Huyện Triệu Sơn	1.395.875.449	1.206.324.866	86	
8	Huyện Yên Định	1.308.903.000	1.431.125.282	109	
9	Huyện Thọ Xuân	1.611.431.000	1.167.758.000	72	
10	Huyện Hà Trung	1.081.136.000	744.229.992	69	
11	Huyện Đông Sơn	416.417.212	289.815.500	70	
12	Huyện Tĩnh Gia	3.285.280.000	1.356.820.800	41	
13	Huyện Quảng Xương	987.929.000	838.000.000	85	
14	Huyện Hoằng Hóa	1.592.396.535	1.012.068.865	64	
15	Huyện Hậu Lộc	1.340.201.004	1.109.700.800	83	
16	Huyện Nga Sơn	1.535.346.861	1.206.725.945	79	
17	Huyện Như Thanh	619.711.250	594.346.794	96	
18	Huyện Thạch Thành	1.098.372.000	1.014.400.618	92	
19	Huyện Cẩm Thủy	811.194.000	648.035.600	80	
20	Huyện Ngọc Lặc	1.024.630.000	846.667.034	83	
21	Huyện Như Xuân	559.517.000	369.000.000	66	
22	Huyện Thường Xuân	517.057.007	270.144.591	52	
23	Huyện Lang Chánh	284.000.000	195.001.000	69	
24	Huyện Bá Thước	467.264.731	463.516.000	99	
25	Huyện Quan Hóa	337.844.787	187.262.000	55	
26	Huyện Quan Sơn	333.345.000	90.854.000	27	
27	Huyện Mường Lát	306.719.569	124.470.000	41	
III	Lực lượng vũ trang	806.616.366	820.067.000	102	Tại Phụ lục 02
1	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	285.000.000	285.000.000	100	
2	Công an tỉnh	300.000.000	300.000.000	100	
3	Bộ đội biên phòng tỉnh	187.300.000	200.750.000	107	
4	Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy tỉnh	34.316.366	34.317.000	100	
IV	Thu của doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý	34.590.104.000	4.096.199.942	12	Tại Phụ lục 03
1	Theo giá trị tài sản hiện có				
2	Người lao động trong doanh nghiệp				
V	Đơn vị thuộc huyện thu gửi trực tiếp về Quỹ		347.745.265		Tại Phụ lục 04
VI	Truy thu năm 2017 chuyển sang		325.336.697		Tại Phụ lục 05
TỔNG CỘNG:		65.485.341.375	27.736.199.904	42,35	



Phụ lục 01: Tổng hợp kết quả thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai từ khối các cơ quan cấp tỉnh, năm 2018
 (Kèm theo Báo cáo số 53 /BC-BQLQ ngày 19/3/2019 của BQL Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

DVT: VN Đồng

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số tiền đã nộp về Cơ quan quản lý Quỹ PCTT cấp tỉnh (Tính đến ngày 28/02/2019)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH	797.673.004	
1	Văn phòng UBND tỉnh	38.743.000	
2	Viện quy hoạch kiến trúc Thanh Hoá	27.629.600	
3	Văn phòng HĐND tỉnh	8.954.127	
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	33.536.000	
5	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	24.720.000	
6	Sở Nông nghiệp và PTNT	58.014.600	
7	Sở Tư pháp	7.900.000	
8	Sở Công thương	13.857.000	
9	Sở Xây dựng	17.667.000	
10	Sở Giao thông vận tải	68.475.000	
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	15.000.000	
12	Sở Nội vụ	14.473.553	
13	Sở Tài chính	21.962.000	
14	Sở Y tế	289.812.415	
15	Sở Khoa học và Công nghệ	17.372.000	
16	Sở Kế hoạch và Đầu tư	11.600.000	
17	Sở Thông tin và Truyền thông	9.000.000	
18	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	87.536.709	
19	Sở Ngoại vụ	4.146.000	
20	Ban Dân tộc	5.770.000	
21	BQL dự án đầu tư, XD các công trình Nông nghiệp TH	21.504.000	
II	CƠ QUAN THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	260.282.490	
1	Tòa án nhân dân tỉnh TH	11.404.000	
2	Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh TH	20.450.000	
3	Kho bạc Nhà nước tỉnh TH	100.526.962	
4	Ngân hàng Nhà nước tỉnh TH	13.966.500	
5	Cục Thuế tỉnh TH	48.852.372	
6	Cục Hải quan tỉnh TH	10.000.000	
7	Cảng vụ Hàng hải tỉnh TH	8.632.656	
8	Kho 661, Cục xăng dầu, Tổng cục Hậu Cần	46.450.000	
III	CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI	56.622.824	
1	BCH Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa	11.582.824	
2	Liên đoàn Lao động tỉnh	10.265.000	
3	UB MTTQ tỉnh	7.600.000	
4	Hội Nông dân tỉnh	7.200.000	
5	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	5.180.000	
6	Hội Cựu chiến binh tỉnh	1.500.000	
7	Hội Chữ thập đỏ	2.620.000	
8	Hội Nhà báo	1.360.000	

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số tiền đã nộp về Cơ quan quản lý Quỹ PCTT cấp tỉnh (Tính đến ngày 28/02/2019)	Ghi chú
9	Hội Khuyến học	363.000	
10	Liên đoàn Bóng đá Thanh Hóa	142.000	
11	Liên minh các HTX tỉnh Thanh Hóa	5.955.000	
12	Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh	2.855.000	
IV	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CẤP TỈNH	141.275.655	
1	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	39.247.000	
2	Trường Chính trị tỉnh	15.000.000	
3	Trường ĐH Hồng Đức	20.000.000	
4	Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch	28.560.000	
5	Trường Cao đẳng nghề CN	17.500.000	
6	Trường Cao đẳng Nông lâm Thanh Hoá	5.034.655	
7	Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch	3.265.000	
8	Trung tâm DV PTTH và tổ chức sự kiện Thanh Hóa	2.935.000	
9	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp thanh hóa	8.740.000	
10	Quỹ Bảo trì đường bộ Thanh Hoá	994.000	
TỔNG		1.255.853.973	



**Phụ lục 02: Tổng hợp kết quả thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai từ khối
lực lượng vũ trang, năm 2018**

(Kèm theo Báo cáo số 12/BC-BQLQ ngày 19/3/2019 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: VN Đồng

STT	Đơn vị	Số tiền phải thu theo kế hoạch	Số tiền thực tế thu được (Tính đến ngày 28/02/2019)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	285.000.000	285.000.000	
2	Công An tỉnh	300.000.000	300.000.000	
3	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên Phòng tỉnh	187.300.000	200.750.000	
4	Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy tỉnh	34.316.366	34.317.000	
Tổng		806.616.366	820.067.000	

Phụ lục 03, Tổng hợp kết quả thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai từ các đơn vị hạch toán độc lập do Cục Thuế tỉnh quản lý, năm 2018
 (Kèm theo Báo cáo số 53 /BC-BQLQ ngày 19/3/2019 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)



DVT: VN Đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Số tiền phải thu theo kế hoạch			Số tiền thực tế thu được			Ghi chú
		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		
			Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động		Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)
1	Công ty TNHH Duyệt Cường	95.158.000	10.129.000	85.029.000	31.359.000	10.129.000	21.230.000	
2	Công ty CP tư vấn xây dựng thủy lợi Thanh hoá	111.053.000	100.000.000	11.053.000	8.233.000	2.210.000	6.023.000	
3	Công ty CP nước mắm thiên hương Thanh Hoá	3.330.000	953.000	2.377.000	3.330.000	953.000	2.377.000	
4	Chi nhánh XN tài nguyên và môi trường 7- Tổng công ty TN và MT Việt Nam	21.573.000	4.935.000	16.638.000	8.806.000		8.806.000	
5	Công ty TNHH MTV Thành Công	26.441.000	14.081.000	12.360.000	5.000.000	3.500.000	1.500.000	
6	Công ty CP Dược phẩm Thanh Hoa	11.085.000	7.876.000	3.209.000	7.876.000			
7	Công ty CP thiết bị vật tư y tế Thanh Hoá	195.113.000	97.778.000	97.335.000	118.421.000	100.000.000	18.421.000	
8	Công ty CP tập đoàn Hoa Sen tại Đông Sơn	637.000		637.000	637.000		637.000	
9	Truyền tải điện Thanh Hoá	1.070.000		1.070.000	1.070.000			
10	Công ty CP Chợ Lam Sơn	10.140.000	4.198.000	5.942.000	3.418.000	685.000	2.733.000	
11	Công ty CP phân bón Lam Sơn	26.945.000	19.514.000	7.431.000	17.188.000			
12	Chi nhánh Công ty CP Vicem vật tư vận tải xi măng tại Bim Sơn	1.426.000		1.426.000	1.426.000			
13	Chi nhánh Công ty CP tập đoàn Hoa Sen tại Bá Thước	743.000		743.000	743.000		743.000	
14	Công ty TNHH MTV Tân Thành 9	7.631.000	500.000	7.131.000	7.631.000	500.000	7.131.000	
15	Công ty CP Gạch Tuynel Trường lâm Thanh Hoá	10.295.000	1.619.000	8.676.000	10.295.000			
16	Chi nhánh Công ty TNHH MTV kinh doanh thương mại xăng dầu Mipex tại Thanh Hoá	743.000		743.000	743.000			
17	Công ty CP mía đường Thanh Hoá	18.333.000	15.148.000	3.185.000	18.333.000	15.148.000	3.185.000	
18	Công ty CP Dạ Lan	58.623.000	28.674.000	29.949.000	58.623.000			
19	Công ty TNHH MTV cảng tổng hợp quốc tế Nghi Sơn	14.035.000	1.200.000	12.835.000	14.035.000	1.200.000	12.835.000	

TT	Tên doanh nghiệp	Số tiền phải thu theo kế hoạch			Số tiền thực tế thu được			Ghi chú
		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		
			Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động		Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động	
20	Công ty CP Vicem bao bì Bim Sơn	68.880.000	40.000.000	28.880.000	68.880.000	40.000.000	28.880.000	
21	Công ty CP Giấy bao bì Thanh Hoá	8.438.000		8.438.000	4.000.000			
22	Công ty CP Bia Thanh Hoa	10.115.000	10.115.000		74.800.000	31.000.000	43.800.000	
23	Chi nhánh công ty CP tập đoàn Hoa Sen tại Nga Sơn	637.000		637.000	637.000		637.000	
24	Công ty CP tập đoàn Hoa Sen tại Hoằng Hoá	743.000		743.000	743.000			
25	Tổng công ty đầu tư Hà Thanh- Công ty CP	53.454.000	46.917.000	6.537.000	26.727.000			
26	Công ty CP chế biến súc sản Xuất khẩu Thanh Hoá	5.346.000	2.161.000	3.185.000	5.346.000			
27	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và du lịch	0			3.178.000			
28	Công ty CP tập đoàn Hoa Sen tại Hậu Lộc	743.000		743.000	743.000			
29	Công ty CP cấp nước Thanh Hoá	180.221.000	100.000.000	80.221.000	189.040.000	100.000.000	89.040.000	
30	Công ty TNHH KH Vina	53.313.000	13.381.000	39.932.000	13.381.000	13.381.000	0	
31	Công ty TNHH dịch vụ và chăn nuôi New hope Thanh Hoá	14.835.000	13.243.000	1.592.000	8.213.500	6.621.500	1.592.000	
32	Tổng Công ty công trình giao thông I thanh hoá	82.701.000	71.054.000	11.647.000	41.000.000			
33	Công ty CP tập đoàn hoa sen tại Thạch Thành	743.000		743.000	743.000		743.000	
34	Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Thanh hoá	132.264.000	76.215.000	56.049.000	132.264.000			
35	Công ty CP Thủy Điện Xuân Minh	66.464.000	65.296.000	1.168.000	33.231.500	32.647.500	584.000	
36	Tổng Công ty xây dựng Thanh Hoá- Công ty CP	119.728.000	100.000.000	19.728.000	63.430.000			
37	Công ty CP Gang thép Nghi sơn	122.581.000	100.000.000	22.581.000	127.810.198	100.000.000	27.810.198	
38	Công ty TNHH MTV Bia Thanh Hoá	37.598.000	18.702.000	18.897.000	37.598.000	18.702.000	18.896.000	
39	Công ty TNHH Đức Thành	37.368.000	31.070.000	6.299.000	15.000.000			
40	Công ty TNHH Vaude Việt Nam	205.460.000	71.282.000	134.177.000	10.000.000			
41	Công ty TNHH May Kim Anh	51.671.000	3.301.000	48.370.000	3.301.000			
42	Công ty CP giấy bao bì in báo	22.343.000	8.557.000	13.786.000	4.000.000			
43	Công ty CP in báo Thanh Hoá	18.497.000	12.198.000	6.299.000	2.000.000			
44	Chi nhánh Công ty CP tập đoàn Hoa sen Sầm sơn	743.000			713.000		713.000	
45	Công ty CP secpentin	66.944.000	56.117.000	10.828.000	13.595.000	5.645.000	7.950.000	

TT	Tên doanh nghiệp	Số tiền phải thu theo kế hoạch			Số tiền thực tế thu được			Ghi chú
		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		
			Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động		Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động	
46	Chi nhánh Công ty CP tập đoàn Hoa Sen Quảng Xương	743.000			743.000			
47	Chi nhánh số 2.	0			637.000			
48	Công ty TNHH Sunhomes laboratory	10.917.000	3.805.000	7.112.000	10.917.000	3.805.000	7.112.000	
49	Công ty TP thiết bị giáo dục Hồng đức	42.746.000	15.054.000	27.691.000	10.000.000			
50	Doanh nghiệp Moscow	101.188.000	100.000.000	1.188.000	100.000			
51	Doanh nghiệp tư nhân Trần Hoàn	15.366.000	9.543.000	5.823.000	15.366.000	9.543.000	5.823.000	
52	Công ty Xăng dầu Thanh hóa	115.970.000	67.481.000	48.489.000	115.970.000	67.481.000	48.489.000	
53	Công ty CP xi măng Bim Sơn	100.000.000			100.000.000			
54	Công ty TNHH Tân Nam Phong	16.849.000	9.718.000	7.131.000	15.779.350	9.718.000	6.060.350	
55	Công ty CP giấy Lam Sơn Thanh Hóa	43.035.000	27.643.000	15.392.000	43.035.000			
56	Công ty TNHH liên doanh Phân bón Hữu nghị	18.556.000			15.440.000			
57	Công ty TNHH Vận tải Hoàng Long Thanh Hóa	35.499.000	25.991.000	9.508.000	35.499.000	25.991.000	9.508.000	
58	Công ty TNHH Winners Vina	747.011.000	54.888.000	692.123.000	54.888.000			
59	Công ty CP cơ khí ô tô 19-5	28.803.000	8.599.000	20.204.000	28.803.000			
60	Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Chàng	2.548.000			2.540.000	0	2.540.000	
61	Công ty CP thủy điện Hoàng anh Thanh Hóa	115.180.000	100.000.000	15.180.000	15.180.000			
62	Công ty TNHH thương mại Phương Mai	4.502.000	2.957.000	1.545.000	2.236.000			
63	Công ty TNHH Đức Anh	11.474.000	7.671.000	3.803.000	800.000			
64	Công ty CP thương mại vận tải và CBHS Long hải	105.857.000	80.167.000	25.689.000	105.857.000			
65	Tổng Công ty CP tư vấn xây dựng giao thông Thanh Hóa	6.619.000	3.410.000	3.209.000	2.355.000	755.000	1.600.000	
66	Công ty CP đầu tư hạ tầng KCN Thanh Hóa	27.855.000	21.675.000	6.180.000	27.615.000			
67	Công ty TNHH Long Hường	20.231.000	11.080.000	9.151.000	20.231.000			
68	Chi nhánh số 2 Công ty CP Tập đoàn Hoa Sen tại Thọ Xuân Thanh Hóa	743.000			743.000			

TT	Tên doanh nghiệp	Số tiền phải thu theo kế hoạch			Số tiền thực tế thu được			Ghi chú
		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		
			Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động		Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động	
69	FLC Biscom Thanh Hóa	0			56.603.649			
70	Doanh nghiệp tư nhân Hải Sâm	7.603.000	2.720.000	4.883.000	13.600.000			
71	Công ty TNHH Hai thành viên FLC Lam Sơn	9.916.000	6.838.000	3.078.000	9.917.000			
72	Công ty CP Dược - vật tư y tế Thanh Hóa	195.123.000	97.788.000	97.335.000	97.461.000	0	97.461.000	
73	Công ty TNHH ĐT và PT Hong Fu VN	29.769.000	26.679.000	3.090.000	26.679.000			
74	Đội Quản lý, bảo dưỡng công trình hạ tầng KT và Vệ sinh MT Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hoá	2.043.000	973.000	1.070.000	1.070.000			
75	Tổng Công ty CP Hàm Rồng Thanh Hóa	8.453.000	5.363.000	3.090.000	8.219.000			
76	Công ty TNHH In Kyung Vina Co.,Ltd	132.744.000	18.417.000	114.328.000	132.744.000			
77	Công ty CP bao bì Lam Sơn	14.336.000	4.676.000	9.660.000	4.676.000			
78	Công ty TNHH Bách Gia An	101.783.000	100.000.000	1.783.000	3.500.000			
79	Công ty CP vật liệu xây dựng Bim Sơn	59.932.000	27.012.000	32.920.000	21.000.000	7.000.000	14.000.000	
80	Công ty CP đầu tư thương mại Lam Sơn	40.120.000	34.059.000	6.061.000	40.120.000			
81	Công ty TNHH Một thành viên X20 Thanh Hóa	42.000.000	2.781.000	39.219.000	36.248.077	2.781.000	33.467.077	
82	Công ty TNHH đường mía VN Đài Loan	100.743.000	100.000.000	743.000	127.645.000			
83	Công ty CP phát triển nông nghiệp sạch KP Phúc Thịnh	2.212.000	2.000.000	212.000	2.212.000	2.000.000	212.000	
84	Công Ty TNHH Fruit Of The Loom Việt Nam	163.559.000	48.912.000	114.646.000	151.244.456			
85	Trường trung cấp nghề giao thông vận tải	47.682.000	21.298.000	26.384.000	47.374.000	19.874.000	27.500.000	
86	Công ty TNHH bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa	105.308.000	100.000.000	5.308.000	176.600.000			
87	Công ty đầu giá hợp danh Thanh Hóa	1.094.000	500.000	594.000	1.094.000			
88	Công ty Cổ phần Tân Thành Phát	27.225.000	15.103.000	12.122.000	23.903.000			
89	Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Lò	2.729.000	500.000	2.229.000	2.729.000			
90	Xưởng in Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	1.807.000	500.000	1.307.000	1.717.071			
91	Công ty TNHH giày ALERON Việt Nam	1.425.373.000	100.000.000	1.325.373.000	100.000.000			
92	Công ty TNHH Tae il Beauty	9.747.000	1.190.000	8.557.000	9.401.000			
93	Công ty TNHH Giấy Venus VN	920.569.000	100.000.000	820.569.000	100.000.000			

TT	Tên doanh nghiệp	Số tiền phải thu theo kế hoạch			Số tiền thực tế thu được			Ghi chú
		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		
			Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động		Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động	
94	Công ty TNHH Giấy Alena Việt Nam	680.980.000	100.000.000	580.980.000	100.000.000	100.000.000	0	
95	Công ty TNHH đầu tư Nghi Sơn Việt Nam	67.690.000	44.548.000	23.142.000	9.983.077			
96	Công ty TNHH một thành viên thủy nông sông Chu	235.485.000	100.000.000	135.485.000	114.676.600	0	114.676.600	Miễn đóng góp Quỹ theo giá trị tài sản tại QĐ số 2490/QĐ-UBND ngày 02/7/2018
97	Công ty cổ phần sản xuất thương mại và đầu tư Việt Thanh	47.546.000	3.810.000	43.736.000	38.828.000			
98	Công ty TNHH Toyota Thanh Hoá	26.264.000	10.457.000	15.807.000	23.667.964			
99	Công ty TNHH Đông Hải	56.481.000	3.000.000	53.481.000	15.000.000			
100	Công ty TNHH Nhật Nguyễn Thanh	0			4.855.000			
101	Công ty CP sữa VN-NM sữa Lam Sơn	0			19.602.000			
102	Công ty Lâm nghiệp Cẩm Ngọc	13.157.000	8.487.000	4.671.000	6.907.000	2.000.000	4.907.000	
103	Công ty TNHH Bow International	33.467.000	7.321.000	26.146.000	9.032.308			
104	Chi nhánh Công ty TNHH Long Sơn tại Thanh Hoá - Nhà máy Xi măng Long Sơn	75.824.000			75.824.000			
105	Xí nghiệp vật tư và dịch vụ Thanh Hoá	4.399.000	2.022.000	2.377.000	500.000			
106	Công ty Cổ phần Thiện Xuân Lam Sơn	80.631.000	67.558.000	13.073.000	11.701.692			
107	Công ty TNHH may mặc xuất khẩu APPARELTE	440.734.000	35.757.000	404.977.000	35.757.000			
108	Công ty CP XSCB NLS và VTNN Phúc Thịnh	68.614.000	51.842.000	16.772.000	22.062.000			
109	Công ty cổ phần giống Lâm nghiệp Thanh Hoá	6.363.000	4.343.000	2.020.000	6.006.000			
110	Ban quản lý dự án ĐTXD KV KKT Nghi Sơn và các KCN	0			14.150.000			
112	Công ty CP Công Nông nghiệp Tiến Nông	119.443.000	36.013.000	83.430.000	62.913.000			
113	Công ty CP phân bón Lam Sơn	26.945.000	19.514.000	7.431.000	9.757.000			
114	Công ty TNHH Vận tải Thái Sơn	2.542.000	1.829.000	713.000	5.000.000			
115	Công ty cổ phần thủy điện Xuân Minh	66.464.000	65.296.000	1.168.000	33.231.500			
116	Công ty TNHH Hoàng Tuấn	138.731.000	63.999.000	74.732.000	138.731.000			
117	Công ty CP Giống gia súc Thanh Ninh	5.419.000	3.636.000	1.783.000	5.419.000			

TT	Tên doanh nghiệp	Số tiền phải thu theo kế hoạch			Số tiền thực tế thu được			Ghi chú
		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		Tổng số tiền đóng góp	Trong đó		
			Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động		Thu theo giá trị tài sản hiện có	Thu của người lao động	
118	Công ty CP TV XD Giao thông Thanh Hoá	0			755.000			
119	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Xuất Nhập Khẩu Nam Vinh	3.667.000	2.479.000	1.188.000	3.667.000			
120	Công ty cổ phần nông sản Phú Gia	99.197.000	61.998.000	37.199.000	82.320.000			
121	Công ty CP sản xuất và thương mại Cẩm Trương	47.534.000	17.811.000	29.723.000	20.000.000			
122	Công ty CP xăng dầu dầu khí Thanh Hóa	23.081.000	500.000	22.581.000	23.081.000			
123	Công ty CP thiên nông thanh hóa	0			500.000			
124	Công ty CP mía đường Lam Sơn	174.838.000	100.000.000	74.838.000	174.838.000			
125	Công ty CP lương thực Thanh Hóa	12.605.000	8.802.000	3.803.000	9.402.000			
Tổng		7.934.398.000	2.772.020.000	5.162.378.000	4.096.199.942	733.270.000	679.622.225	

Phụ lục 04: Tổng hợp thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai từ các đơn vị thuộc huyện thu
nộp trực tiếp về Quỹ cấp tỉnh, năm 2018

(Kèm theo Báo cáo số **BC-BQLQ** ngày **19/3/2019** của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

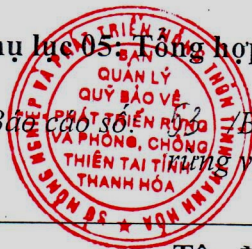
Hình thức nộp tiền: Chuyển khoản trực tiếp về tài khoản của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa

ĐVT: VN Đồng

STT	Tên công ty, đơn vị	Số tiền thực tế thu được (Tính đến ngày 28/02/2019)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Lê Văn Tiếp	434.000	
2	Trường Cao đẳng nghề Thanh Hóa	14.000.000	
3	Công ty TNHH GIAY SU	100.000.000	
4	Trung tâm y tế TP Sầm Sơn	8.100.000	
5	Trung tâm y tế huyện Thường Xuân	6.000.000	
6	Bệnh viện Đa khoa Sầm Sơn	6.290.000	
7	Bệnh viện Đa khoa Thường Xuân	16.890.000	
8	Bệnh viện Đa khoa Thị xã Bim Sơn	13.860.365	
9	Bệnh viện Đa khoa Hậu Lộc	19.164.000	
10	Trung tâm y tế huyện Hoằng Hoá	48.580.000	
11	Bệnh viện Đa khoa Hoằng Hoá	30.312.000	
12	Trung tâm y tế huyện Hậu Lộc	24.489.000	
13	Bệnh viện mắt Thanh Hóa	18.595.900	
14	Bệnh viện phục hồi chức năng Thanh Hóa	3.500.000	
15	Bệnh viện Đa khoa Ngọc Lặc	37.530.000	
Tổng		347.745.265	

**Phụ lục 05: Tổng hợp nộp bổ sung theo kế hoạch thu Quỹ PCTT năm 2017
chuyên sang năm 2018**

(Kèm theo Báo cáo số 12/BC-BQLQ ngày 19/3/2019 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)



ĐVT: VN Đồng

TT	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Huyện Quảng Xương	150.000.000	
2	Thị xã Bim Sơn	38.151.700	
3	Công ty TNHH giấy Annora Việt Nam	100.000.000	
4	Sở Tư pháp	7.100.000	
5	Không xác định	30.085.000	
Tổng		325.336.697	